

Số: 71/TT-MNS1ST

Mường Lay, ngày 04 tháng 09 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt chế độ chính sách cho trẻ em mầm non và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP học kỳ I năm học 2025-2026; hồ sơ hưởng chế độ chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách học kỳ II (năm học 2024-2025) và học kỳ I (năm học 2025-2026) theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP

Kính gửi: - UBND phường Mường Lay
- Phòng Văn hoá – xã hội phường Mường Lay

Căn cứ Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính Phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ thông tư số 52/2020/TT- BGDDT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành điều lệ trường mầm non . Căn cứ vào điều 10 về quyền hạn trách nhiệm của hiệu trưởng trường mầm non;

Xét đề nghị của Hội đồng xét duyệt hồ sơ chế độ được thành lập theo Quyết định số 36/QĐ-MNS1ST ngày 29 tháng 08 năm 2025 của trường mầm non số 1 Sá Tông;

Căn cứ vào biên bản họp xét ngày 3/9/2025 của trường mầm non số 1 Sá Tông. Vv họp xét chế độ chính sách cho trẻ em mầm non và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP học kỳ I năm học 2025-2026; hồ sơ hưởng chế độ chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách học kỳ II (năm học 2024-2025) và học kỳ I (năm học 2025-2026) theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP

Trường mầm non số 1 Sá Tông làm tờ trình đề nghị Phòng văn hoá-xã hội, UBND phường Mường Lay, xét duyệt chế độ hỗ trợ Về việc đề nghị thẩm

định và phê duyệt chế độ chính sách cho trẻ em mầm non và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP học kỳ I năm học 2025-2026; hồ sơ hưởng chế độ chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách học kỳ II (năm học 2024-2025) và học kỳ I (năm học 2025-2026) theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP cụ thể như sau:

1. Chế độ chính sách ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo, giáo viên mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP học kỳ I (năm học 2025-2026)

Tổng kinh phí: 364.350.000đ Trong đó:

- Chế độ chính sách ăn trưa cho trẻ mẫu giáo 255 trẻ, xét mới 255 trẻ, bảo lưu: 0, bổ sung: 0

Kinh phí thực hiện: $255 \text{ trẻ} \times 160.000\text{đ} \times 4 \text{ tháng} = 163.200.000\text{đ}$

- Chế độ chính sách cho giáo viên mầm non: Số giáo viên đề nghị hưởng chính sách dạy lớp ghép, dạy tăng cường Tiếng Việt cho trẻ người dân tộc thiểu số là 23 người $\times 450.000\text{đ}/1 \text{ tháng}$

Kinh phí thực hiện: $93.150.000\text{đ}/9 \text{ tháng cụ thể:}$

+ $23 \text{ người} \times 450.000\text{đ} \times 9 \text{ tháng} = 93.150.000\text{đ}$

- Kinh phí hỗ trợ định mức nấu ăn: $5 \text{ người} \times 2.400.000\text{đ} \times 9 \text{ tháng} = 108.000.000\text{đ}$

2. Chế độ chính sách cho trẻ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP

a. Năm học 2024-2025 (Học kỳ II)

Tổng kinh phí: 372.312.500đ trong đó

- Số hồ sơ hỗ trợ cho trẻ nhà trẻ ăn trưa được xét đủ thủ tục: 119 trẻ, xét mới 119 trẻ, bảo lưu: 0

Kinh phí thực hiện: $119 \text{ trẻ} \times 360.000\text{đ} \times 5 \text{ tháng} = 214.200.000 \text{ đ}$

- Hỗ trợ tiền mua giấy, truyện tranh, sáp màu...và học tập khác:

Kinh phí hỗ trợ: $119 \text{ trẻ} \times 150.000\text{đ} \times 5 \text{ tháng} = 89.250.000\text{đ}$

- Tổng kinh phí hỗ trợ tiền điện, nước: 16.362.500đ

Kinh phí hỗ trợ: + Tiền điện: $119 \text{ trẻ} \times 12.500\text{đ} \times 5 \text{ tháng} = 7.437.500\text{đ}$

+ Tiền nước: $119 \text{ trẻ} \times 15.000\text{đ} \times 5 \text{ tháng} = 8.925.000\text{đ}$

- Hỗ trợ kinh phí quản lý ngoài giờ: $700.000\text{đ} \times 15 \text{ mức} \times 5 \text{ tháng} = 52.500.000\text{đ}$

b. Năm học 2025-2026 (Học kỳ I)

Tổng kinh phí: 287.750.000đ trong đó

- Số hồ sơ hỗ trợ cho trẻ nhà trẻ ăn trưa được xét đủ thủ tục: 113 trẻ, xét mới 113 trẻ, bảo lưu: 0

Kinh phí thực hiện: $113 \text{ trẻ} \times 360.000\text{đ} \times 4 \text{ tháng} = 162.720.000 \text{ đ}$

- Hỗ trợ tiền mua giấy, truyện tranh, sáp màu...và học tập khác:

Kinh phí hỗ trợ: 113 trẻ x 150.000đ x 4 tháng = 67.800.000đ

- Tổng kinh phí hỗ trợ tiền điện, nước: 12.430.000đ

Kinh phí hỗ trợ: + Tiền điện: 113 trẻ x 12.500đ x 4 tháng = 5.650.000đ

+ Tiền nước: 113 trẻ x 15.000đ x 4 tháng = 6.780.000đ

- Hỗ trợ kinh phí quản lý ngoài giờ: 700.000đ x 16 mức x 4 tháng = 44.800.000đ

(Có hồ sơ và danh sách chi tiết kèm theo)

Trường Mầm non số 1 Sá Tổng kính trình Phòng văn hoá - xã hội, UBND phường Mường Lay phê duyệt và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

Xin trân trọng cảm ơn ./

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG



Lò Thị Liên Dương